| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GIAO THỦY**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2022
V/v Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Ông Ngọc Lễ.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

Ông Đỗ Văn Cận.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T; sinh năm 1994; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm A, xã G1, huyện G, tỉnh N; nơi ở hiện nay: Xóm B, xã G1, huyện G, tỉnh N; "có mặt".

- *Bị đơn:* Anh Đồng Xuân C; sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm A, xã G1, huyện G, tỉnh N; "vắng mặt".

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Đồng Xuân C tự nguyện tìm hiểu, được Uỷ ban nhân dân xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28- 6- 2013. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C nghiện ma túy, mặc dù chị cùng gia đình

đã nhiều lần khuyên giải và anh C cũng đã đi cai nghiện ma túy nhưng sau khi đi cai nghiện về, anh C không thay đổi, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa đề nghị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy giải quyết cho chị được ly hôn anh Đồng Xuân C.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Đồng Gia H; sinh ngày 22- 4- 2014. Ly hôn chị nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh Chinh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Trang không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Đồng Xuân C trình bày:* Anh và chị Trần Thị T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28- 6- 2013. Chị Trần Thị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh không nhất trí, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Đồng Gia H; sinh ngày 22- 4- 2014. Nếu chị T kiên quyết ly hôn, về việc nuôi con chung anh tôn trọng quyết định của con.

Về tài sản: Anh C không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Tại bản tự khai, cháu Đồng Gia H trình bày nguyện vọng*: Bố mẹ ly hôn, cháu xin được ở với bố.

*Tại biên bản xác minh, Chính quyền địa phương xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cung cấp như sau:* Chị Trần Thị T và anh Đồng Xuân C được Ủy ban nhân dân xã Giao Thiện cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28- 6- 2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và nguyên nhân sâu sa địa phương không nắm được. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh C, đề nghị Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Vợ chồng có 01 con chung là Đồng Gia H; sinh ngày 22- 4- 2014; nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn đề nghị nên giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp vì anh C nghiện ma túy. Vợ chồng không liên quan gì về tài sản, công nợ đối với tập thể.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T. Về con chung, giao cho chị Trang tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Đồng Gia H; sinh ngày 22- 4- 2014.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đồng Xuân C có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Chinh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Đồng Xuân C tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã Giao Thiện huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 28- 6- 2013 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau cưới, vợ chồng thực sự hạnh phúc được khoảng 4 năm thì mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh C nghiện ma túy. Mặc dù chị T và gia đình đã nhiều lần góp ý, khuyên giải nhưng anh C không thay đổi, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc. Vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị Trần Thị T xin ly hôn anh Đồng Xuân C là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Đồng Gia H; sinh ngày 22- 4- 2014. Xét nguyện vọng của các bên đương sự, của con chung, ý kiến của địa phương xã Giao Thiện; nay giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hiện tại cháu H đang ở với anh C, nay anh C phải có nghĩa vụ giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Đồng Xuân C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Đồng Xuân C.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị T trực tiếp nuôi con chung là Đồng Gia H; sinh ngày 22- 4- 2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Đồng Xuân C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trang.

Buộc anh Đồng Xuân C phải giao con chung là cháu Đồng Gia H cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đồng Xuân C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0000107 ngày 18 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy nay được chuyển thành án phí (chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đồng Xuân C có quyền kháng cáo bản án trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã G1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ông Ngọc Lễ**